

Số: 07/2022/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA X - KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Cư trú ngày 13 tháng 11 năm 2020;

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2016/NĐ-CP ngày 23 tháng 8 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Phí và
lệ phí;*

*Căn cứ Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29 tháng 11 năm 2019 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định
của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Thông tư số
106/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa
đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 85/2019/TT-BTC;*

*Xét Tờ trình số 171/TTr-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy
định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tiền
Giang; Báo cáo thẩm tra số 55/BC-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Ban
Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân
dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các cơ quan đăng ký cư trú và các tổ chức, cá nhân có liên quan;
- b) Cá nhân, hộ gia đình được đăng ký cư trú theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Mức thu, miễn thu lệ phí đăng ký cư trú

1. Mức thu lệ phí

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Nội dung thu lệ phí	Mức thu với hình thức nộp hồ sơ	
		Trực tiếp	Trực tuyến
1	- Đăng ký thường trú, tạm trú cả hộ và tách hộ;	16.000/lần/hộ	12.000/lần/hộ
	- Đăng ký thường trú, tạm trú cho một người hoặc đăng ký tạm trú theo danh sách.	16.000/lần/người	12.000/lần/người
2	- Điều chỉnh thông tin về cư trú trong Cơ sở dữ liệu về cư trú; - Xác nhận thông tin về cư trú.	12.000/lần/người	10.000/lần/người
3	- Gia hạn tạm trú cho cả hộ;	12.000/lần/hộ	10.000/lần/hộ
	- Gia hạn tạm trú cho một người hoặc theo danh sách.	12.000/lần/người	10.000/lần/người

2. Các trường hợp miễn thu lệ phí đăng ký cư trú:

- a) Các đối tượng thuộc gia đình có công với cách mạng, hộ nghèo, trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật;
- b) Đồng bào dân tộc thiểu số ở các xã đặc biệt khó khăn, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ;
- c) Điều chỉnh, xác nhận thông tin về cư trú khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú do Nhà nước điều chỉnh địa giới hành chính, tên đơn vị hành chính; do sáp nhập, đặt tên, đổi tên ấp, khu phố, chuyển ấp thành khu phố, thay đổi tên đường, cách đánh số nhà theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Chế độ thu, nộp và lập dự toán chi phí phục vụ công tác thu lệ phí đăng ký cư trú

1. Chế độ thu, nộp lệ phí:

a) Lệ phí đăng ký cư trú được thu bằng tiền Việt Nam. Cơ quan đăng ký cư trú có nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí đăng ký cư trú, sử dụng biên lai thu lệ phí theo quy định hiện hành về phát hành, quản lý và sử dụng ấn chỉ thuế;

b) Người nộp lệ phí thực hiện kê khai, nộp lệ phí một lần khi nộp hồ sơ thực hiện các thủ tục liên quan đến đăng ký cư trú;

c) Tổ chức thu lệ phí thực hiện nộp toàn bộ tiền lệ phí thu được vào ngân sách nhà nước và thực hiện kê khai, nộp lệ phí theo tháng, quyết toán lệ phí theo năm theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Lập dự toán chi phí phục vụ công tác thu lệ phí

Hàng năm, căn cứ vào số thu, các chi phí năm trước liền kề và nhiệm vụ dự kiến thực hiện năm kế hoạch, cơ quan tổ chức thu lập dự toán cho công tác thu lệ phí đăng ký cư trú, tổng hợp vào dự toán của đơn vị, gửi cơ quan tài chính xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách địa phương báo cáo Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa X, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 08 tháng 7 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 8 năm 2022.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 23/2020/NQ-HĐND ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí đăng ký cư trú và lệ phí cấp Chứng minh nhân dân trên địa bàn tỉnh Tiền Giang./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính Phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu thuộc (UBTVQH);
- Các Bộ: Tư pháp; Tài chính; Công an, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp)
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTVTU, UBND, UB.MTTQ tỉnh;
- ĐB. Quốc hội, ĐB. HĐND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT.HĐND, UBND cấp huyện, cấp xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Võ Văn Bình